

# PHƯƠNG ÁN XÁC ĐỊNH RANH GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN BIỂN TRONG VÙNG NỘI THỦY CỦA VIỆT NAM (KHU VỰC TỪ TỈNH BÌNH THUẬN ĐẾN TỈNH CÀ MAU)

PHAN THỊ NGUYỆT QUẾ<sup>(1)</sup>, HOÀNG NGỌC LÂM<sup>(1)</sup>  
ĐINH THỊ BẢO HOA<sup>(2)</sup>, HOÀNG VĂN SOÁT<sup>(1)</sup>

<sup>(1)</sup> Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

<sup>(2)</sup> Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

## Tóm tắt:

Bài báo trình bày kết quả phân tích thực trạng quản lý và các văn bản hiện hành về quản lý địa giới hành chính, qua đó đề xuất phương án xác định ranh giới hành chính trên biển (vùng nội thủy) cho đơn vị hành chính cấp tỉnh ven biển của Việt Nam (khu vực từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau) sử dụng bản đồ địa hình quốc gia hệ VN2000 mới nhất. Kết quả nghiên cứu đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp cho việc xác định ranh giới trên biển có tính đến đặc điểm hình thái của bờ biển, thực trạng quản lý và theo văn bản quản lý của nhà nước Việt Nam.

## 1. Giới thiệu

Việt Nam có 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố, trong đó có 28 tỉnh, thành phố giáp biển. Bờ biển dài 3260 km là điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng ngành kinh tế biển, đồng thời cũng đặt ra những khó khăn trong quản lý, bảo vệ biển đảo và khai thác lợi thế kinh tế từ biển, đảo. Ranh giới trên biển giúp xác định phạm vi quyền của các tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và quản lý không gian biển [1].

Ranh giới hành chính bao gồm đường ranh giới hành chính trên đất liền và trên biển [3] trong phần nội thủy là một yếu tố nội dung của dữ liệu nền địa lý trong quản lý nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ quy hoạch vùng, lãnh thổ và các nhiệm vụ khác.

Hồ sơ địa giới hành chính là tài liệu pháp lý để quản lý ranh giới hành chính các cấp. Hồ sơ địa giới hành chính trên đất liền giữa các địa phương cơ bản đã hoàn thành, còn tồn tại một số khu vực đang được đề xuất giải quyết. Phạm vi quản lý các bãi bồi, cửa sông, các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm và các đối tượng địa lý khác giữa các địa phương liên quan chưa được cấp có thẩm

quyền phê duyệt hồ sơ pháp lý dẫn đến việc chính quyền các địa phương ở các khu vực giáp ranh chưa quản lý được việc khai thác các nguồn lợi trên biển. Xác định ranh giới trên biển để giải quyết các vấn đề an ninh trên biển như điều tra chống buôn lậu, xử lý các vụ tai nạn trên biển, điều tra các phương tiện vi phạm quy định về hàng hải hoặc giải quyết các tranh chấp về khai thác các nguồn lợi ven bờ giữa các địa phương.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công bố đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1982.

Hồ sơ địa giới hành chính phần đất liền đã sử dụng bản đồ địa hình quốc gia - hệ VN2000 [4], do đó, ranh giới trên biển cũng thể hiện trên bản đồ địa hình hệ VN2000. Trên đất liền đường biên giới quốc gia và đường địa giới hành chính có thể được mô tả thông qua các đối tượng địa lý như sông, suối, đường phân thủy và được đánh dấu trên thực địa bằng các mốc biên giới quốc gia, mốc địa giới hành chính. Đối với ranh giới trên biển việc khảo sát, phân định tại thực địa khó

khả thi, do đó việc xác định ranh giới trên bản đồ (hoặc hải đồ) sẽ là biện pháp được sử dụng.

Phương pháp sử dụng vòng tròn đồng tâm dựa trên lý thuyết là tâm của đường tròn cách đều bất kỳ điểm nào trên chu vi đường tròn đó. Bán kính đường tròn tăng hoặc giảm sao cho vòng tròn tiếp xúc với các điểm trên bờ biển của các đơn vị hành chính có đường bờ biển đối diện. Đường ranh giới được xác định bằng cách nối các điểm cách đều là tâm của các vòng tròn [5, 7, 8].

## 2. Khu vực nghiên cứu và phương pháp luận

### 2.1. Khu vực nghiên cứu và tài liệu

Khu vực tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau là các tỉnh nằm trong khu vực nội thủy theo công bố đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam năm 1982.



Hình 1. Khu vực nghiên cứu

### 2.2. Phương pháp luận

Việc xác định ranh giới trên biển phần nội thủy của Việt Nam khu vực từ tỉnh Bình Thuận đến Cà Mau thông qua một số yếu tố ảnh hưởng đến nguyên tắc xác định được trình bày dưới đây.

Cơ sở pháp lý: căn cứ vào các văn bản pháp lý của Việt Nam; tôn trọng thực trạng quản lý của địa phương; đảm bảo công bằng, đơn giản phù hợp điều kiện quản lý hành chính; đường ranh giới hành chính trên biển tiếp nối và khép kín với đường địa giới hành chính trên đất liền.

Phương pháp đường đồng khoảng cách được sử dụng trong trường hợp không có thỏa thuận về ranh giới [9]. Việc tạo ra nhiều điểm sẽ phức tạp cho mô tả, vì vậy, có thể đơn giản hóa bằng

cách giảm bớt số điểm mà vẫn duy trì được hướng chung của đường ranh giới hoặc có diện tích hoán đổi tương đương mà hai bên có thể chấp nhận được [6, 10].

Phương pháp liên quan đến hướng đi chung của bờ biển sử dụng cho các đơn vị hành chính liền kề với nhau, hướng chung được xác định theo hướng của bờ biển hoặc thậm chí theo hướng chung của một phần khu vực ven bờ [11]. Đường địa giới hành chính phần đất liền tiếp tục kéo dài kẻ vuông góc với hướng chung của bờ biển, các đường ranh giới trên biển đều có cùng hướng đến giao cắt với đường cơ sở. Nhược điểm của phương pháp là thường có sự bất đồng trong việc xác định góc chính xác cho hướng đi chung của bờ biển [10].

Phương pháp thỏa thuận là phương pháp hai đơn vị hành chính hiệp thương, thỏa thuận, kết quả được ghi nhận và trình cấp có thẩm quyền công nhận.

### 2.3. Nguyên tắc đặt tên, đánh số điểm:

Điểm số 0: xác định điểm địa giới cuối cùng phần đất liền theo hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính. Ký hiệu của điểm là tên viết tắt của đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố liên quan (ví dụ: (BRVT-TP.HCM) được hiểu là điểm đặc trưng cuối cùng trên đường địa giới hành chính giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và TP. Hồ Chí Minh).

Điểm số 1: xác định điểm giao giữa đường địa giới phần đất liền tới đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm do Tổng cục Biển và Hải đảo cung cấp; đối với đoạn cửa sông hoặc vịnh sẽ là điểm chia trên đoạn đóng cửa sông, cửa vịnh. Ký hiệu của điểm là tên viết tắt của tỉnh liên quan thêm số 1 (ví dụ: (BRVT-TP.HCM)1 được hiểu là điểm đặc trưng trên đường địa giới hành chính giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và TP. Hồ Chí Minh giao với đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm).

Điểm số 2: xác định điểm giao giữa ranh giới hành chính trên biển với đường cơ sở. Ký hiệu của điểm là tên viết tắt của tỉnh liên quan thêm số 2 (ví dụ: (BRVT-TP.HCM)2 được hiểu là điểm

đặc trưng trên đường địa giới hành chính giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và TP. Hồ Chí Minh giao với đường cơ sở. Nối điểm (BRVT-TP.HCM), (BRVT-TP.HCM)1, (BRVT-TP.HCM)2 được ranh giới trên biển theo hướng từ bờ ra biển đến đường cơ sở)

Trên mỗi đoạn nối các điểm có thể có các điểm nêu trên sẽ có các điểm đặc trưng khác trên đường địa giới hành chính, ký hiệu các điểm được đánh số theo chữ số Ả Rập, ví dụ: 1,2,3,4...

Các điểm được xác định là điểm đóng cửa sông, cửa Vịnh sẽ đánh theo chữ cái La Tinh, ví dụ: A, B, C...

Điểm xác định hướng đi chung của bờ biển đánh số theo chữ số La Mã, ví dụ: I, II.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Kết quả

a) Ranh giới hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố khu vực nghiên cứu

Từ các đặc điểm hình thái đường bờ biển khu vực nghiên cứu có thể xác định hướng chung của bờ biển là đường nối hai điểm I-II. Xác định vị trí nhô ra nhất tại điểm I nằm tại mũi Sừng Trâu (còn gọi là mũi Cà Ná), bờ biển xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Điểm II có tọa nằm tại bờ biển xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Phương án xác định ranh giới hành chính trên biển như sau:

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Thuận.

Mốc 2T.9 là mốc địa giới hành chính cấp tỉnh, theo hướng chung của đường địa giới kéo thẳng ra gặp đường bờ tại điểm (BT-BRVT) là điểm đặc trưng cuối cùng của đường địa giới hành chính trên đất liền giữa tỉnh Bình Thuận và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ điểm đặc trưng (BT-BRVT) dựng đoạn thẳng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển, giao cắt với đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm tại vị trí (BT-BRVT)1; giao cắt với đường cơ sở tại vị trí (BT-BRVT)2.

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh

Xác định đoạn ranh giới trong sông Cái Mép:

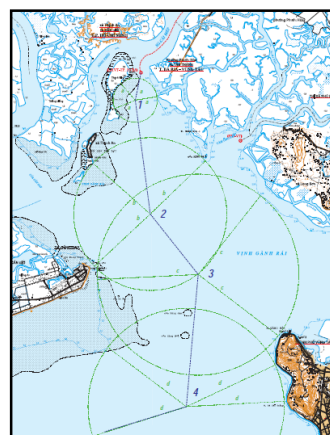
Điểm (BRVT-TP.HCM) là điểm cuối cùng trên hồ sơ địa giới hành chính; điểm số 1 có vị trí cách đều điểm nhô ra xa nhất của gò Con Chó, cù lao Phú Lang và gò không tên một khoảng cách là  $a = 1052$  m.

Điểm số 2 có vị trí cách đều điểm nhô ra xa nhất của cù lao Phú Lợi, mũi Cần Giờ, cồn Miếu Bà một khoảng cách là  $b = 3641,5$  m.

Điểm số 3 có vị trí cách đều điểm nhô ra xa nhất của mũi Gành Rái, mũi Cần Giờ, mũi nhô ra của phần đất liền thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu một khoảng cách là  $c = 4791$  m. Điểm số 4 có vị trí cách đều điểm nhô ra xa nhất của mũi Đá Cái Trắng, phía mũi Gành Rái (Bà Rịa - Vũng Tàu) và mũi nhô ra nhất (thành phố Hồ Chí Minh) một khoảng cách  $d = 4665,5$  m và cắt điểm giữa của đoạn đóng cửa vịnh Gành Rái tại vị trí đánh dấu trên bản đồ là (BRVT-TP.HCM)1.

Xác định đoạn đóng cửa vịnh Gành Rái: Đoạn nối điểm A nằm trên mũi Ô Cáp thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và điểm B nằm gần mũi Đồng Tranh thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Xác định đoạn ranh giới phía ngoài vịnh Gành Rái về phía Biển Đông: tại vị trí (BRVT-TP.HCM)1 dựng đoạn thẳng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển và kéo dài đến đường cơ sở tại vị trí (BRVT-TP.HCM)2.



Hình 2. Điểm đặc trưng trên đường địa giới hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh

- Ranh giới hành chính trên biển giữa thành phố Hồ Chí Minh với tỉnh Tiền Giang.

Đoạn ranh giới hành chính cấp tỉnh giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tiền Giang nằm trên sông Soài Rạp đổ ra vịnh Đồng Tranh qua cửa Soài Rạp. Điểm đặc trưng cuối cùng trên đất liền là (TP.HCM-TG), tiếp theo đường ranh giới đi qua điểm đặc trưng số 1 là trung điểm nằm trên đường đóng cửa vịnh Đồng Tranh phía trong. Đoạn đóng cửa vịnh Đồng Tranh phía trong là đoạn nối điểm B nằm gần mũi Đồng Tranh thuộc thành phố Hồ Chí Minh với điểm C nằm trên cồn Ông Mão thuộc tỉnh Tiền Giang. Ranh giới đi tiếp đến điểm đặc trưng số hiệu (TP.HCM-TG) là trung điểm nằm trên đoạn đóng cửa vịnh Đồng Tranh phía ngoài. Đoạn đóng cửa vịnh Đồng Tranh phía ngoài là nối điểm D thuộc thành phố Hồ Chí Minh và điểm E thuộc tỉnh Tiền Giang.

Xác định đoạn ranh giới phía ngoài vịnh Đồng Tranh về phía Biển Đông: tại vị trí (TP.HCM-TG)1 dựng đoạn thẳng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển và kéo dài đến đường cơ sở tại vị trí (TP.HCM-TG)2.

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre

Đoạn ranh giới hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre nằm trên sông Cửa Đại đổ ra biển qua Cửa Đại. Điểm đặc trưng cuối cùng phần đất liền là (TG-BT).

Tiếp theo đoạn ranh giới đi đến điểm (TG-BT)1 là trung điểm nằm trên đoạn đóng Cửa Đại. Đoạn đóng Cửa Đại là đoạn nối điểm E thuộc tỉnh Tiền Giang và điểm F thuộc tỉnh Bến Tre. Tại vị trí (TG-BT)1, dựng đoạn thẳng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển và kéo dài đến đường cơ sở tại vị trí (TG-BT)2.

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Điểm đặc trưng cuối cùng trên đường địa giới hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh là điểm (BT-TV), dựng đoạn thẳng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển cắt đoạn đóng cửa sông Cổ Chiên tại vị trí (BT-

TV)1 và kéo dài đến đường cơ sở tại vị trí (BT-TV)2. Đoạn đóng cửa sông Cổ Chiên là đoạn nối điểm G tại Cồn Đâm thuộc tỉnh Bến Tre và điểm H thuộc tỉnh Trà Vinh..

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Trà Vinh và tỉnh Sóc Trăng

Điểm đặc trưng (ST-TV) nằm trên ranh giới giữa hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng nằm trên sông Hậu đổ ra cửa Định An. Đường ranh giới hành chính đi qua điểm đặc 1 là trung điểm nằm trên đường đóng cửa Định An phía trong. Đoạn đóng cửa Định An là đoạn nối điểm K là điểm thuộc tỉnh Trà Vinh và điểm L thuộc tỉnh Sóc Trăng. Ranh giới tiếp tục đi tới điểm (ST-TV)1 là trung điểm nằm trên đoạn đóng cửa Định An phía ngoài. Đoạn đóng cửa Định An là đoạn nối điểm N thuộc tỉnh Sóc Trăng, nằm gần bãi Đuôi Cồn Dung và điểm M thuộc tỉnh Trà Vinh. Tại điểm (ST-TV)1 ranh giới theo hướng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển giao cắt với đường cơ sở tại vị trí (ST-TV)2.

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Bạc Liêu

Điểm đặc trưng cuối cùng trên đường địa giới hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Bạc Liêu là điểm (BL-ST), ranh giới đi tiếp về phía Nam theo hướng vuông góc với đường hướng chung của bờ biển giao cắt đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm tại vị trí (BL-ST)1 và giao cắt với đường cơ sở tại vị trí (BL-ST)2.

- Ranh giới hành chính trên biển giữa tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu

Phương pháp liên quan đến việc ký kết các thỏa thuận đơn giản dựa trên các đồng thuận của các đơn vị hành chính liền kề. Từ điểm ranh giới cuối cùng trên đất liền đường ranh giới được dựng song song với đường kinh độ hoặc vĩ độ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu đã có bản thỏa thuận ngày 08 tháng 8 năm 2009, theo đó đường ranh giới hành chính trên biển đi theo hướng Nam, song song với đường kinh tuyến.

Điểm đặc trưng (CM-BL) là điểm cuối cùng trên ranh giới phân đất liền giữa tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau, Đường ranh giới hành chính trên biển giao cắt với đoạn đóng cửa Gành Hào tại vị trí (CM-BL)1 và giao cắt với đường cơ sở tại vị trí (CM-BL)2. Đoạn đóng cửa vịnh Gành Hào là đoạn nối điểm K thuộc tỉnh Cà Mau và điểm H thuộc tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 1. Bảng danh mục tọa độ các điểm trên đường ranh giới các tỉnh, thành phố ven biển (Khu vực từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau)

| Stt | Tên điểm       | B                           | L                            |
|-----|----------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1   | I              | 11 <sup>0</sup> 18'31.0413" | 108 <sup>0</sup> 55'02.6175" |
| 2   | II             | 8 <sup>0</sup> 38'15.2767"  | 105 <sup>0</sup> 06'15.2912" |
| 3   | 2T.9           | 10 <sup>0</sup> 34'12.6824" | 107 <sup>0</sup> 34'06.1433" |
| 4   | (BT-BRVT)      | 10 <sup>0</sup> 34'11.7141" | 107 <sup>0</sup> 34'06.2504" |
| 5   | (BT-BRVT)1     | 10 <sup>0</sup> 34'04.9234" | 107 <sup>0</sup> 34'11.0810" |
| 6   | (BT-BRVT)2     | 9 <sup>0</sup> 32'29.2748"  | 108 <sup>0</sup> 17'51.7831" |
| 7   | A              | 10 <sup>0</sup> 19'15.6903" | 107 <sup>0</sup> 04'54.6466" |
| 8   | B              | 10 <sup>0</sup> 22'15.1660" | 106 <sup>0</sup> 52'33.8202" |
| 9   | (BRVT-TP.HCM)  | 10 <sup>0</sup> 30'02.2360" | 106 <sup>0</sup> 59'45.3636" |
| 10  | 1              | 10 <sup>0</sup> 29'19.5872" | 106 <sup>0</sup> 59'36.1929" |
| 11  | 2              | 10 <sup>0</sup> 26'22.8961" | 106 <sup>0</sup> 59'58.5451" |
| 12  | 3              | 10 <sup>0</sup> 24'48.7439" | 107 <sup>0</sup> 01'12.8829" |
| 13  | 4              | 10 <sup>0</sup> 21'23.9274" | 107 <sup>0</sup> 00'53.0150" |
| 14  | (BRVT-TP.HCM)1 | 10 <sup>0</sup> 20'45.4820" | 106 <sup>0</sup> 58'44.2732" |
| 15  | (BRVT-TP.HCM)2 | 9 <sup>0</sup> 14'50.7808"  | 107 <sup>0</sup> 45'37.8292" |
| 16  | (TP.HCM-TG)    | 10 <sup>0</sup> 21'59.0560" | 106 <sup>0</sup> 48'43.8746" |
| 17  | 1              | 10 <sup>0</sup> 19'24.9663" | 106 <sup>0</sup> 50'39.2095" |
| 18  | (TP.HCM-TG)1   | 10 <sup>0</sup> 17'43.6528" | 106 <sup>0</sup> 53'42.4020" |
| 19  | C              | 10 <sup>0</sup> 16'34.7285" | 106 <sup>0</sup> 48'44.6785" |
| 20  | D              | 10 <sup>0</sup> 22'55.8595" | 106 <sup>0</sup> 58'50.8498" |
| 21  | E              | 10 <sup>0</sup> 12'31.3328" | 106 <sup>0</sup> 48'34.1236" |
| 22  | (TP.HCM-TG)2   | 9 <sup>0</sup> 12'01.0533"  | 107 <sup>0</sup> 40'28.6331" |
| 23  | (TG-BT)        | 10 <sup>0</sup> 11'28.4415" | 106 <sup>0</sup> 45'26.4803" |
| 24  | (TG-BT)1       | 10 <sup>0</sup> 09'16.6070" | 106 <sup>0</sup> 48'23.6624" |
| 25  | F              | 10 <sup>0</sup> 07'44.7114" | 106 <sup>0</sup> 48'17.3494" |
| 26  | (TG-BT)2       | 9 <sup>0</sup> 12'01.0533"  | 107 <sup>0</sup> 40'28.6331" |
| 27  | (BT-TV)        | 9 <sup>0</sup> 49'44.6649"  | 106 <sup>0</sup> 34'13.7078" |
| 28  | (BT-TV)1       | 9 <sup>0</sup> 46'51.1105"  | 106 <sup>0</sup> 36'17.7874" |
| 29  | (BT-TV)2       | 9 <sup>0</sup> 56'27.9995"  | 107 <sup>0</sup> 12'13.1757" |

| Stt | Tên điểm | B                          | L                            |
|-----|----------|----------------------------|------------------------------|
| 30  | G        | 9 <sup>0</sup> 47'23.0140" | 106 <sup>0</sup> 36'54.2755" |
| 31  | H        | 9 <sup>0</sup> 44'43.6034" | 106 <sup>0</sup> 33'50.4972" |
| 32  | (ST-TV)  | 9 <sup>0</sup> 34'57.7326" | 106 <sup>0</sup> 18'44.9342" |
| 33  | I        | 9 <sup>0</sup> 31'24.2044" | 106 <sup>0</sup> 20'59.2875" |
| 34  | K        | 9 <sup>0</sup> 31'41.1501" | 106 <sup>0</sup> 21'58.7126" |
| 35  | L        | 9 <sup>0</sup> 31'07.2556" | 106 <sup>0</sup> 19'59.8636" |
| 36  | (ST-TV)1 | 9 <sup>0</sup> 28'50.0215" | 106 <sup>0</sup> 21'28.0235" |
| 37  | N        | 9 <sup>0</sup> 25'57.3848" | 106 <sup>0</sup> 17'07.4064" |
| 38  | M        | 9 <sup>0</sup> 31'42.5937" | 106 <sup>0</sup> 25'48.7088" |
| 39  | (ST-TV)2 | 8 <sup>0</sup> 45'30.9484" | 106 <sup>0</sup> 52'23.4672" |
| 40  | (BL-ST)  | 9 <sup>0</sup> 14'43.6829" | 105 <sup>0</sup> 49'31.7607" |
| 41  | (BL-ST)1 | 9 <sup>0</sup> 13'38.0461" | 105 <sup>0</sup> 50'19.1358" |
| 42  | (BL-ST)2 | 8 <sup>0</sup> 35'08.2492" | 106 <sup>0</sup> 18'02.8083" |
| 43  | (CM-BL)  | 9 <sup>0</sup> 01'02.1167" | 105 <sup>0</sup> 24'58.4996" |
| 44  | (CM-BL)1 | 9 <sup>0</sup> 00'56.1121" | 105 <sup>0</sup> 24'58.4992" |
| 45  | (CM-BL)2 | 8 <sup>0</sup> 27'34.6937" | 105 <sup>0</sup> 24'58.4415" |
| 46  | K        | 9 <sup>0</sup> 00'45.4992" | 105 <sup>0</sup> 24'29.7176" |
| 47  | H        | 9 <sup>0</sup> 01'08.4896" | 105 <sup>0</sup> 25'32.1107" |

b) Ranh giới hành chính trên biển của huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Huyện Côn Đảo là huyện đảo có dân cư sinh sống trên các hòn, đảo.

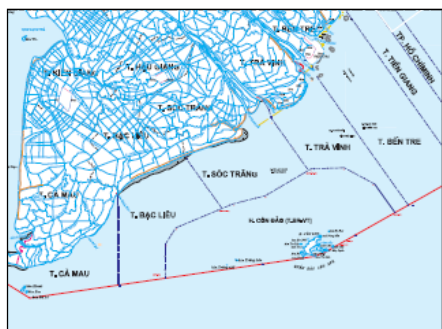
\* Trường hợp 1: coi các đảo của huyện đảo được tính hiệu lực như đất liền; nối vị trí xa nhất mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của các hòn, đảo thuộc huyện Côn Đảo để giới hạn phạm vi cho huyện và tìm đường đồng khoảng cách giữa đường giới hạn với đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm của các tỉnh ven bờ.

Ranh giới trên biển của huyện Côn Đảo tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu được xác định tại các điểm:

- Ranh giới trên biển giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bạc Liêu gồm các điểm (BRVT-BL), 1, 2, (ST-BRVT-BL).

- Ranh giới trên biển giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Sóc Trăng: gồm các điểm: (ST-BRVT-BL), 1, 2, (BRVT-TV-ST).

- Ranh giới trên biển giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Trà Vinh gồm các điểm: (BRVT-TV-ST), 1, 2, 3, (BRVT-TV).

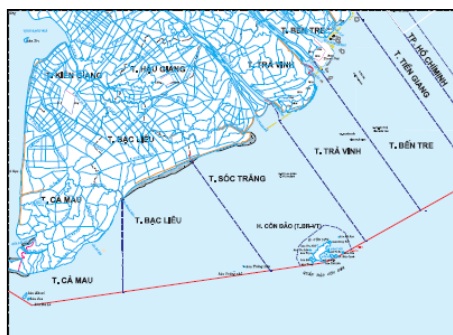


Hình 3. Ranh giới phân chia theo trường hợp 1

Bảng 2. Danh mục tọa độ các điểm khu vực huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Trường hợp 1

| Stt | Tên điểm     | B             | L               |
|-----|--------------|---------------|-----------------|
| 1   | (BRVT-BL)    | 8°30'03.7498" | 105°42'19.0427" |
| 2   | 1            | 8°42'22.8033" | 105°42'19.6121" |
| 3   | 2            | 8°48'29.4184" | 105°46'15.2174" |
| 4   | (ST-BRVT-BL) | 8°55'31.8771" | 106°03'22.2943" |
| 5   | 1            | 8°57'12.5667" | 106°07'27.4852" |
| 6   | 2            | 9°00'07.0601" | 106°19'19.4402" |
| 7   | (BRVT-TV-ST) | 9°09'22.3699" | 106°35'22.5908" |
| 8   | 1            | 9°09'55.0224" | 106°36'19.2935" |
| 9   | 2            | 9°10'15.2588" | 106°48'26.7746" |
| 10  | 3            | 9°04'13.7634" | 106°59'48.9429" |
| 11  | (BRVT-TV)    | 8°53'44.5328" | 107°07'16.8710" |

\* Trường hợp 2: đảo Côn Sơn được giao hiệu lực 6 hải lý. Xác định hướng chung của đường bờ, tìm giới hạn 6 hải lý sau khi đã giản lược số điểm đặc trưng, tọa độ khu vực giới hạn của đảo Côn Sơn gồm các điểm: (ST-BRVT)2-1, 1, 2, 3, 4, 5, 6, (ST-BRVT)2-2



Hình 4. Ranh giới phân chia theo trường hợp 2

Bảng 3. Danh mục tọa độ các điểm khu vực huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Trường hợp 2

| Stt | Tên điểm     | B             | L               |
|-----|--------------|---------------|-----------------|
| 1   | (ST-BRVT)2-1 | 8°42'41.4734" | 106°47'17.1488" |
| 2   | 1            | 8°48'29.9936" | 106°45'04.8837" |
| 3   | 2            | 8°50'22.2114" | 106°42'20.5639" |
| 4   | 3            | 8°51'24.6946" | 106°37'41.0545" |
| 5   | 4            | 8°45'39.3911" | 106°30'02.7018" |
| 6   | 5            | 8°43'40.6028" | 106°28'15.8641" |
| 7   | 6            | 8°39'25.8993" | 106°27'33.6966" |
| 8   | (ST-BRVT)2-2 | 8°36'45.5093" | 106°28'51.8336" |

### 3.2. Thảo luận

Đối với khu vực huyện đảo Côn Sơn thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là khu vực có nhiều phương án giải quyết, để thực tế triển khai thực hiện sẽ cần có sự trao đổi, thống nhất của các địa phương liên quan. Sau khi hiệp thương và thống nhất được ranh giới thể hiện sẽ tiến hành lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trường hợp chưa đạt được thỏa thuận các địa phương sẽ trình bày quan điểm của địa phương về nội dung giải quyết theo quy định[2].

Khu vực đã xác định được ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển sẽ tiến hành xác định ranh giới hành chính cấp huyện, cấp xã trong nội bộ của địa phương quản lý

### 4. Kết luận

- Kết quả phân tích thực trạng quản lý địa giới hành chính và các văn bản hiện hành của Nhà nước Việt Nam làm cơ sở xác định các giải pháp về kỹ thuật và công nghệ.

- Các phương pháp xác định ranh giới được lựa chọn là phương pháp có tính đến hướng đi chung của bờ biển kết hợp với phương pháp đường cách đều tùy thuộc vào các đơn vị hành chính liên quan có bờ biển đối diện hoặc liền kề. Giải pháp kỹ thuật thực hiện đơn giản, dễ áp dụng; đảm bảo công bằng, dễ thuyết phục các bên liên quan chấp nhận.

- Các phương án phân định được đề xuất xác định rõ phạm vi quản lý địa giới hành chính đối với các tỉnh, thành phố ở khu vực nghiên cứu phù hợp với thực trạng quản lý, có căn cứ pháp lý đối với những đoạn ranh giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giải pháp kỹ thuật cho từng khu vực có tính khả thi trong thực tiễn. ○

### Tài liệu tham khảo

[1]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2021), Quy định về giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Tài nguyên - Môi trường, chủ biên, Chính phủ, Việt Nam.

[2]. Chính phủ (2008), Báo cáo của Chính phủ xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nguyên tắc giải quyết tranh chấp địa giới hành chính một số tỉnh, chủ biên, Việt Nam.

[3]. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định về việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính, Thủ tướng Chính phủ, chủ biên, Chính phủ, Việt Nam.

[4]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), Quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, chủ biên, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam.

[5]. Nuno Sergio Marques; Antunes (2002), *Towards the conceptualisation of maritime delimitation: legal and technical aspects of a political process*, Department of Law and

Department of Geography, Durham University, UK.

[6]. PB Beazley (1994), *Technical aspects of maritime boundary delimitation*, Maritime Briefing, International Boundaries Research Unit, ed, Vol. 1, Ibru, UK.

[7]. Enrique A Macaspac (2002), "Delineation of municipal waters", *Inf mapper*. IX.

[8]. National Mapping and Resource Information Authority (2001), Guidelines for delineating/delimiting municipal waters, Department of Environment and Natural Resources, chủ biên, DENR Administrative Order, Philippine.

[9]. Wilian E Ball (1993), Planar Median (Equidistant) Line Computations for Narrow Channels, *ACSM ASPRS ANNUAL CONVENTION, AMERICAN SOC PHOTOGRAMMETRY & REMOTE SENSING+ AMER CONG ON*, tr. 1-36.

[10]. Chris Carleton và Clive H Schofield (2002), *Developments in the technical determination of maritime space: delimitation, dispute resolution, geographical information systems and the role of the technical expert*, Maritime Briefing, International Boundaries Research Unit, ed, Vol. 3, Ibru, UK.

[11]. Stephen Fietta và Robin Cleverly (2016), *A Practitioner's Guide to Maritime Boundary Delimitation*, Oxford University Press, UK. ○

### Summary

**The method for delimiting the maritime boundary in the internal waters of coastal provinces of Vietnam (from Binh Thuan province to Ca Mau province)**

*Phan Thi Nguyet Que, Hoang Ngoc Lam, Hoang Van Soat*

*Department of Survey, Mapping and Geographic Information of Vietnam, Ministry of Natural Resources and Environment*

*Đinh Thị Bao Hoa, Faculty of Geography, University of Science, Vietnam National University, Hanoi*

This article presents the results of an analysis of the current management situation and documents administrative boundary, thereby proposing a plan to determine administrative boundaries (internal waters) for the coastal province of Vietnam (the area from Binh Thuan province to Ca Mau province) using the latest VN2000 national topographic map. The result provides technical solutions for maritime boundary determination, which are taking into account the morphological characteristics of the coast, the management situation, and according to the legal documents of the Vietnamese state. ○